**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA KHỐI 10**

**HK1 NĂM HỌC 2023-2024**

**I/ TRẮC NGHIỆM : 70% (7Đ)**

**BÀI 6: NGOẠI LỰC VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC TỚI ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**

**I. NHẬN BIẾT.**

**Câu 1:** Ngoại lực là những lực sinh ra

**A**. trong lớp nhân của Trái Đất.

**B**. ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất.

**C**. từ tầng badan của lớp vỏ Trái Đất.

**D**. từ tầng trầm tích của lớp vỏ Trái Đất.

**Câu 2.** Ngoại lực có nguồn gốc từ

**A***.* bên trong Trái Đất. **B**. lực hút của Trái Đất.

**C.** bức xạ của Mặt Trời. **D**. nhân của Trái Đất.

**Câu 3.** Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực chủ yếu là của

**A.** sự phân huỷ các chất phóng xạ. **B**. sự dịch chuyển các dòng vật chất.

**C.** các phản ứng hoá học khác nhau. **D**. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

**Câu 4:** Quá trình phong hóa được chia thành

**A**. lí học, cơ học, sinh học. **B**. lí học, hóa học, sinh học.

**C**. lí học, hóa học, địa chất học. **D**. quang học, hóa học, sinh học.

**Câu 5:** Phong hóa sinh học làm cho đá và khoáng vật bị phá hủy về mặt

**A**. cơ giới. **B**. hóa học.

**C**. quang học. **D**. cơ giới và hóa học.

**Câu 6.** Cường độ phong hoá xảy ra mạnh nhất ở

**A**. bề mặt Trái Đất. **B**. tầng khí đối lưu.

**C.** ở thềm lục địa. **D**. lớp Man-ti trên.

**Câu 7.** Quá trình ngoại lực làm cho bề mặt Trái Đất

**A.** gồ ghề hơn. **B**. bằng phẳng hơn.

**C**. nâng lên, hạ xuống. **D**. tạo thành các nếp uốn và đứt gãy.

**Câu 8:** Tác động của ngoại lực xảy ra trên bề mặt Trái Đất được thể hiện qua các quá trình nào?

**A**. Phong hóa, bóc mòn, uốn nếp, đứt gãy.

**B**. Vận chuyển, bồi tụ, phong hóa, tạo núi.

**C**. Vận chuyển, tạo núi, bóc mòn, đứt gãy.

**D**. Phong hóa, bóc mòn, vận chuyển, bồi tụ.

**Câu 9.** Biểu hiện nào sau đây là do tác động của ngoại lực tạo nên?

**A**. Lục địa được nâng lên hay hạ xuống.

**B**. Các lớp đất đá bị uốn nếp hay đứt gãy.

**C.** Đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột.

**D.** Sinh ra hiện tượng động đất, núi lửa.

**Câu 10:** Phong hóa lí học được hiểu là

**A**. sự phá vỡ cấu trúc phân tử của đá.

**B**. sự phá vỡ và làm thay đổi thành phần hóa học của đá.

**C**. sự phá vỡ tính chất hóa học của đá và khoáng vật do nhiệt độ.

**D**. sự phá huỷ đá thành những khối vụn có kích thước to, nhỏ khác nhau.

**Câu 11.** Bóc mòn là quá trình

**A**. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.

**B.** di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

**C.** tích tụ (tích luỹ) các vật liệu đã bị phá huỷ.

**D**. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

**Câu 12.** Vận chuyển là quá trình

**A**. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.

**B**. di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

**C.** tích tụ (tích luỹ) các vật liệu đã bị phá huỷ.

**D**. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

**Câu 13.** Bồi tụ là quá trình

**A**. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.

**B.** di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

**C.** tích tụ (tích luỹ) các vật liệu đã bị phá huỷ.

**D.** phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

**Câu 14.** Kết quả của quá trình bồi tụ tạo nên

**A**. địa hình bồi tụ. **B**. địa hình thổi mòn.

**C**. bậc thềm sóng vỗ. **D**. khe rãnh xói mòn.

**Câu 15.** Địa hình cac-xtơ rất phát triển ở vùng đá

**A.** vôi. **B.** granit.

**C.** badan. **D.** thạch anh.

**Câu 16.** Hiện tượng mài mòn do sóng biển thường tạo nên các dạng địa hình như

**A**. vịnh biển có dạng hàm ếch.

**B**. hàm ếch sóng vỗ, nền cổ… ở bờ biển.

**C**. các cửa sông và các đồng bằng châu thổ.

**D**. hàm ếch sóng vỗ, nền mài mòn… ở bờ biển.

**Câu 17.** Khả năng di chuyển xa hay gần của vật liệu **không** phụ thuộc vào

**A**. quá trình phong hóa.

**B**. điều kiện bề mặt đệm.

**C**. kích thước và trọng lượng của vật liệu.

**D.** động năng của các quá trình tác động lên nó.

**Câu 18.** Địa hình băng tích là kết quả trực tiếp của quá trình

**A.** phong hoá.  **B**. vận chuyển. **C.** bồi tụ. **D**. bóc mòn.

**Câu 19.** Các cồn cát ven biển là kết quả trực tiếp của quá trình

**A.** phong hoá. **B.** vận chuyển. **C.** bồi tụ. **D.** bóc mòn.

**Câu 20.** Các doi ven biển là kết quả trực tiếp của quá trình

**A.** phong hoá. **B**. vận chuyển. **C.** bồi tụ. **D.** bóc mòn.

**Câu 21.** Các cồn (cù lao) sông là kết quả trực tiếp của quá trình

**A.** phong hoá. **B.** vận chuyển. **C.** bồi tụ. **D.** bóc mòn.

**Câu 22.** Các nấm đá là kết quả trực tiếp của quá trình

**A.** phong hoá. **B.** vận chuyển. **C.** bồi tụ. **D.** bóc mòn.

**Câu 23.** Những ngọn đá sót hình nấm thuộc địa hình

**A**. mài mòn. **B**. băng tích. **C.** bồi tụ. **D.** thổi mòn.

**Câu 24.** Hàm ếch sóng vỗ thuộc địa hình

**A**. mài mòn. **B**. băng tích. **C.** bồi tụ. **D.** thổi mòn.

**Câu 25.** Các phi-o thuộc địa hình

**A**. mài mòn. **B**. băng tích. **C.** bồi tụ. **D.** thổi mòn.

**II.** **THÔNG HIỂU**

**Câu 26.** Phát biểu nào sau đây đúng với quá trình phong hoá?

**A**. Chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.

**B**. Di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

**C.** Tích tụ (tích luỹ) các vật liệu đã bị phá huỷ.

**D.** Phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

**Câu 27:** Hiện tượng nào dưới đây **không** thuộc biểu hiện của ngoại lực?

**A**. Gió thổi. **B**. Mưa rơi.

**C.** Nước chảy. **D**. Phun trào mắcma.

**Câu 28:** Phong hóa lí học xảy ra chủ yếu do

**A**. tác dụng của gió, mưa.

**B**. va đập của các khối đá.

**C**. nguồn nhiệt độ cao từ dung nham trong lòng đất.

**D**. sự thay đổi đột ngột của nhiệt độ, sự đóng băng của nước.

**Câu 29:** Các yếu tố chủ yếu tác động đến quá trình phong hóa là

**A**. gió, bão, con người. **B**. nhiệt độ, nước, sinh vật.

**C**. núi lửa, sóng thần, xói mòn. **D**. thổ nhưỡng, sinh vật, sông ngòi.

**Câu 30.** Địa hình cacxtơ là kết quả của

**A**. phong hóa vật lí. **B**. phong hóa sinh học

**C**. phong hóa hóa học. **D**. không xác định được.

**BÀI 7: KHÍ QUYỂN. NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ**

**I. NHẬN BIẾT.**

**Câu 1.** Cấu trúc khí quyển gồm

**A.** 3 tầng. **B.** 4 tầng. **C.** 5 tầng. **D.** 6 tầng.

**Câu 2.** Thành phần chính trong không khí là khí

**A.** Nitơ. **B.** Ô xi. **C.** Cacbonic. **D.** Hơi nước.

**Câu 3.** Chiếm đến 80% khối lượng không khí của khí quyển là tầng

**A**. đối lưu. **B.** bình lưu.

**C.** tầng nhiệt. **D.** tầng giữa.

**Câu 4.** Khí quyển là

**A.** quyển chứa toàn bộ chất khí.

**B.** khoảng không gian bao quanh Trái Đất.

**C.** lớp không khí có độ dày khoảng 500 km.

**D.** lớp không khí bao quanh Trái Đất, chịu ảnh hưởng của vũ trụ.

**Câu 5.** Dải hội tụ nhiệt đới được tạo thành ở khu vực

**A**. xích đạo. **B.** chí tuyến.

**C.** ôn đới. **D.** cực.

**Câu 6.** Nguồn cung cấp nhiệt chủ yếu cho mặt đất là năng lượng của

**A**. bức xạ mặt trời. **B**. lớp vỏ lục địa.

**C.** lớp Man-ti trên. **D**. thạch quyển.

**Câu 7**. Biên độ nhiệt trong năm theo vĩ độ có đặc điểm

**A**. tăng dần từ xích đạo về cực.

**B**. giảm dần từ chí tuyến về hai phía.

**C.** giảm dần từ xích đạo về cực.

**D**. không có sự thay đổi nhiều.

**Câu 8**. Nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ có đặc điểm

**A**. tăng dần từ xích đạo về cực.

**B**. giảm dần từ chí tuyến về hai phía.

**C.** giảm dần từ xích đạo về cực.

**D**. không có sự thay đổi nhiều.

**Câu 9.** Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

**A.** bán cầu Tây. **B.** đại dương.

**C.** lục địa. **D.** bán cầu Đông.

**Câu 10.** Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất ở

**A**. bán cầu Đông. **B.** lục địa.

**C.** đại dương. **D.** bán cầu Tây.

**Câu 11.** Nơi tranh chấp giữa khối khí nóng và khối khí lạnh thường

**A**. nóng. **B**. lạnh.

**C.** khô. **D.** mưa.

**Câu 12.** Nguồn bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất phần lớn được

**A.** bề mặt Trái Đất hấp thụ.

**B.** phản hồi vào không gian.

**C.** các tầng khí quyển hấp thụ.

**D.** phản hồi vào băng tuyết.

**Câu 13.** Nhiệt lượng Mặt Trời mang đến bề mặt Trái Đất luôn thay đổi theo vĩ độ là do

**A.** góc chiếu của tia bức xạ.

**B.** mặt đất nhận nhiệt nhanh.

**C.** mặt đất tỏa nhiệt nhanh.

**D.** mặt đất bức xạ khi lên cao.

**II. THÔNG HIỂU**

**Câu 14.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vai trò, đặc điểm của khí quyển?

**A.** Là lớp không khí bao quanh Trái Đất.

**B.** Luôn chịu ảnh hưởng của Mặt Trời.

**C.** Rất quan trọng cho phát triển sinh vật.

**D.** Giới hạn phía trên đến dưới lớp ôzôn.

**Câu 15.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự phân bố nhiệt độ theo vĩ độ địa lí?

**A**. Nhiệt độ trung bình năm tăng từ xích đạo về cực.

**B.** Nhiệt độ trung bình năm cao nhất là ở chí tuyến.

**C.** Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về hai cực.

**D**. Biên độ nhiệt độ năm thấp nhất ở khu vực xích đạo.

**Câu 16.** Càng về vĩ độ cao

**A**. nhiệt độ trung bình năm càng lớn.

**B.** biên độ nhiệt độ năm càng cao.

**C.** góc chiếu của tia mặt trời càng lớn.

**D.** thời gian có sự chiếu sáng càng dài.

**Câu 17.** Khu vực nào có nhiệt độ trung bình năm cao nhất?

**A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến.

**C.** Ôn đới. **D.** Cực.

**Câu 18.** Khu vực nào có biên độ nhiệt năm cao nhất trên Trái Đất?

**A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến.

**C.** Ôn đới. **D.** Hàn đới.

**Câu 19.** Nhiệt độ không khí thay đổi theo bờ Đông và bờ Tây lục địa chủ yếu do

**A.** vĩ độ địa lí. **B.** lục địa.

**C.** dòng biển. **D.** địa hình.

**Câu 20.** Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

**A**. xích đạo. **B**. chí tuyến.

**C.** vòng cực. **D.** cực.

**BÀI 8: KHÍ ÁP, GIÓ VÀ MƯA.**

**I. NHẬN BIẾT**

**Câu 1.** Khí áp là sức nén của

**A**. không khí xuống mặt Trái Đất. **B**. luồng gió xuống mặt Trái Đất.

**C.** không khí xuống mặt nước biển. **D**. luồng gió xuống mặt nước biển.

**Câu 2.** Các vành đai khí áp nào sau đây là áp cao?

**A.** Xích đạo, chí tuyến. **B**. Chí tuyến, ôn đới.

**C.** Ôn đới, cực. **D**. Cực, chí tuyến.

**Câu 3.** Các vành đai khí áp nào sau đây là áp thấp?

**A**. Xích đạo, chí tuyến. **B**. Chí tuyến, ôn đới.

**C.** Ôn đới, xích đạo. **D**. Cực, chí tuyến.

**Câu 4.** Vành đai áp nào sau đây chung cho cả hai bán cầu Bắc và Nam?

**A.** Cực. **B**. Ôn đới.

**C.** Chí tuyến. **D**. Xích đạo.

**Câu 5.** Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do nhiệt lực?

**A**. Xích đạo, chí tuyến. **B**. Chí tuyến, cực.

**C.** Cực, xích đạo. **D**. Ôn đới, chí tuyến.

**Câu 6.** Khí áp giảm khi nhiệt độ

**A.** tăng lên **B.** giảm đi

**C.** không tăng **D.** không giảm

**Câu 7.** Gió Mậu dịch ở nửa cầu Bắc thổi theo hướng

**A.** Đông Bắc. **B.** Đông Nam

**C.** Tây Bắc. **D.** Tây Nam

**Câu 8.** Gió mùa là loại gió

**A.** thổi theo mùa. **B.** thổi quanh năm.

**C.** thổi trên cao. **D.** thổi ở mặt đất.

**Câu 9.** Gió nào sau đây thay đổi hướng theo ngày đêm?

**A.** Gió Tây ôn đới. **B.** Gió Mậu dịch.

**C.** Gió đất, gió biển. **D.** Gió fơn.

**Câu 10.** Gió Mậu dịch có tính chất

**A.** khô, ít mưa. **B.** ẩm, mưa nhiều.

**C.** lạnh, ít mưa. **D.** nóng, mưa nhiều.

**Câu 11.** Gió mùa thường hoạt động ở đâu?

**A.** Đới nóng. **B.** Đới lạnh.

**C.** Đới ôn hòa. **D.** Đới cận nhiệt.

**Câu 12**. Các khu áp thấp thường là nơi có lượng mưa

**A**. lớn. **B**. nhỏ.

**C**. trung bình. **D**. rất nhỏ.

**Câu 13**. Khu vực xích đạo có lượng mưa

**A**. ít nhất. **B**. nhiều nhất.

**C**. trung bình. **D.** tương đối nhiều.

**Câu 14.** Ở những nơi có khí áp cao sẽ có lượng mưa

**A.** rất lớn. **B.** trung bình.

**C.** ít hoặc không mưa. **D.** không mưa.

**Câu 15.** Miền có Frông, nhất là dãy hội tụ nhiệt đới đi qua thường

**A.** không mưa. **B.** mưa nhiều.

**C.** khô hạn. **D.** mưa rất ít.

**Câu 16**. Cùng một dãy núi sườn đón gió thường có

**A**. mưa nhiều. **B**. mưa ít.

**C**. không còn mưa. **D.** không khí khô ráo.

**Câu 17.** Nơi có dòng biển nóng chảy qua thì

**A.** mưa nhiều. **B.** trung bình.

**C.** mưa ít. **D.** không mưa.

**Câu 18.** Yếu tố nào **không** ảnh hưởng nhiều đến lượng mưa là

**A.** dòng biển. **B.** địa hình.

**C.** khí áp. **D.** sinh vật.

**Câu 19.** Ở địa hình núi cao, sườn đón gió là sườn có lượng mưa

**A.** nhiều. **B.** ít mưa.

**C.** không mưa. **D.** khô ráo.

**Câu 20.** Khu vực nào có lượng mưa nhiều nhất trên bề mặt Trái Đất theo chiều vĩ tuyến là

**A.** vùng xích đạo. **B.** vùng chí tuyến.

**C.** vùng ôn đới. **D.** vùng cực.

**Câu 21**. Gió phơn có đặc điểm

**A**. tính chất nóng ẩm, mưa lớn. **B**. gió thổi liên tục quanh năm.

**C**. tính chất nóng và khô. **D**. loại gió thổi theo mùa.

**Câu 22.** Khí áp tăng khi

**A**. nhiệt độ giảm. **B**. nhiệt độ tăng.

**C.** độ cao tăng. **D**. khô hạn giảm.

**Câu 23**. Tính chất của gió ở sư­ờn đón gió là

**A**. mát và ẩm. **B**. nóng và ẩm.

**C**. mát và khô. **D**. nóng và khô.

**Câu 24**. Vùng nào dưới đây **không** xuất hiện gió mùa?

**A**. Đông Phi. **B**. Tây Phi.

**C**. Đông Nam LBNga. **D**. Đông Nam Á.

**Câu 25.** Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

**A**. chí tuyến về áp thấp ôn đới. **B**. cực về áp thấp ôn đới.

**C.** chí tuyến về áp thấp xích đạo. **D**. cực về áp thấp xích đạo.

**Câu 26.** Nơi nào sau đây có nhiều mưa?

**A**. Khu khí áp thấp. **B**. Khu khí áp cao.

**C.** Miền có gió Mậu dịch. **D**. Miền có gió Đông cực.

**Câu 27**. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự hình thành gió mùa trên Trái Đất là sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa

**A**. các vĩ độ theo mùa. **B**. lục địa và đại d­ương theo mùa.

**C**. các kinh độ theo mùa. **D**. các bán cầu theo mùa.

**Câu 28.** Nơi có ít mưa thường là ở

**A**. xa đại dương. **B.** gần đại dương.

**C.** khu vực khí áp thấp. **D.** trên dòng biển nóng.

**Câu 29.** Trên Trái Đất, mưa nhiều nhất ở vùng

**A**. xích đạo. **B**. ôn đới.

**C.** chí tuyến. **D**. cực.

**Câu 30.** Trên Trái Đất, mưa ít nhất ở vùng

**A.** xích đạo. **B.** ôn đới.

**C.** chí tuyến. **D.** cực.

**Câu 31.** Nhân tố nào sau đây thường gây ra mưa nhiều?

**A**. Dòng biển lạnh. **B.** Dải hội tụ nhiệt đới.

**C.** Gió Mậu dịch. **D.** Gió Đông cực.

**Câu 32.** Tại một dãy núi, thường có mưa nhiều ở

**A.** sườn khuất gió. **B.** sườn núi cao.

**C.** đỉnh núi cao. **D**. sườn đón gió.

**Câu 33.** Nơi nào sau đây có mưa ít?

**A.** Nơi có dòng biển lạnh đi qua. **B**. Nơi có dòng biển nóng đi qua.

**C.** Nơi có frông hoạt động nhiều. **D.** Nơi có dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 34.** Nơi nào sau đây có mưa ít?

**A**. Giữa các khối khí nóng và khối khí lạnh.

**B**. Giữa khu vực áp cao và khu vực áp thấp.

**C.** Khu vực có nhiễu loạn mạnh không khí.

**D**. Khu vực thường xuyên có gió lớn thổi đi.

**Câu 35.** Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa là

**A.** khí áp, frông, gió, địa hình, thổ nhưỡng.

**B.** khí áp, frông, gió, dòng biển, địa hình.

**C.** khí áp, frông, gió, địa hình, sông ngòi.

**D**. khí áp, frông, gió, dòng biển, sinh vật.

**Câu 36**. Khu vực chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch thường mưa ít do

**A**. gió Mậu dịch không thổi qua đại dương

**B**. gió Mậu dịch chủ yếu là gió khô

**C**. gió Mậu dịch thổi yếu

**D**. gió Mậu dịch thổi từ đại dương vào.

**Câu 37**. Sự thay đổi khí áp theo độ cao có đặc điểm

**A.** càng lên cao khí áp càng giảm.

**B**. càng lên cao khí áp càng tăng.

**C**. khí áp tăng giảm thất thường.

**D**. chỉ ở đồng bằng khí áp mới giảm theo độ cao.

**Câu 38**. Đặc điểm hoạt động của gió Tây ôn đới là

**A**. chỉ thổi vào mùa xuân và mùa hạ, thư­ờng đem theo mư­a.

**B**. thổi quanh năm, thư­ờng đem theo mư­a, độ ẩm cao suốt bốn mùa.

**C**. Thổi quanh năm, thư­ờng đem theo rất ít hơi nư­ớc, chỉ vào mùa xuân.

**D**. Thổi quanh năm, thư­ờng đem theo mư­a, độ ẩm cao suốt mùa xuân.

**Câu 39**. Gió núi – thung lũng là

**A**. loại gió thổi quanh năm, tính chất rất khô và mưa ít.

**B**. hình thành vùng ven biển, hướng thay đổi theo ngày, đêm.

**C**. gió vượt qua núi và thổi xuống, tính chất nóng và khô.

**D**. loại gió hoạt động theo ngày – đêm ở khu vực miền núi.

**Câu 40**. Gió Mậu dịch là loại gió thổi từ

**A**. các khu áp thấp ở hai chí tuyến về phía vùng áp thấp ôn đới.

**B**. các khu áp cao ở hai chí tuyến về phía vùng áp thấp xích đạo.

**C**. các khu áp cao ở hai chí tuyến về phía vùng áp thấp ôn đới.

**D**. các khu áp thấp ở hai chí tuyến về phía vùng áp thấp xích đạo.

**Câu 41**. Hướng thổi thường xuyên của gió Tây ôn đới ở 2 bán cầu là

**A**. Tây Bắc ở bán cầu Bắc và Tây Nam ở bán cầu Nam.

**B**. Tây Nam ở bán cầu Bắc và Tây Bắc ở bán cầuNam.

**C**. Tây Bắc ở cả 2 bán cầu.

**D**. Tây Nam ở cả 2 bán cầu.

**Câu 42.** Khi không khí chứa nhiều hơi nước thì khí áp sẽ

**A.** giảm do không khí chứa hơi nước nhẹ hơn không khí khô

**B.** tăng do mật độ phân tử trong không khí tăng lên

**C.** tăng do không khí chứa nhiều hơi nước nặng hơn không khí khô

**D.** giảm do hơi nước và không khí khô bằng nhau

**BÀI 10: THỦY QUYỂN. NƯỚC TRÊN LỤC ĐỊA**

**I. NHẬN BIẾT.**

**Câu 1.** Nhân tố nào sau đây ít ảnh hưởng đến chế độ nước sông?

**A.** Chế độ mưa. **B.** Băng tuyết.

**C.** Địa thế. **D.** Dòng biển.

**Câu 2.** Phân loại hồ theo nguồn gốc hình thành, có các loại

**A.** hồ băng hà và hồ nhân tạo. **B**. hồ tự nhiênvà hồ nhân tạo.

**C.** hồ tự nhiênvà hồ móng ngựa. **D.** hồ băng hà và hồ miệng núi lửa.

**Câu 3.** Vùng Hồ Lớn (Ngũ Hồ) ở lục địa Bắc Mỹ thuộc loại hồ nào sau đây?

**A.** Hồ băng hà. **B**. Hồ tự nhiên

**C.** Hồ nhân tạo. **D.** Hồ miệng núi lửa.

**Câu 4.** Nước trên lục địa gồm nước ở

**A**. trên mặt, nước ngầm. **B**. trên mặt, hơi nước.

**C.** nước ngầm, hơi nước. **D**. băng tuyết, sông, hồ.

**Câu 5.** Băng và tuyết là nước ở thể nào sau đây?

**A**. Rắn. **B**. Lỏng. **C.** Hơi. **D**. Khí.

**Câu 6.** Hồ thủy điện Hòa Bình trên sông Đà nước ta thuộc loại hồ nào sau đây?

**A.** Hồ băng hà. **B**. Hồ tự nhiên**.**

**C.** Hồ nhân tạo. **D.** Hồ miệng núi lửa.

**Câu 7.** Hồ Tây (Hà Nội) thuộc loại hồ nào sau đây?

**A.** Hồ băng hà. **B**. Hồ tự nhiên**.**

**C.** Hồ móng ngựa. **D.** Hồ miệng núi lửa.

**Câu 8.** Sông ngòi ở miền khí hậu nào dưới đây có đặc điểm là nhiều nước quanh năm?

**A.** Khí hậu nhiệt đới gió mùa. **B.** Khí hậu cận nhiệt đới gió mùa.

**C.** Khí hậu ôn đới lục địa. **D.** Khí hậu xích đạo.

**Câu 9.** Chế độ mưa ảnh hưởng tới chế độ nước sông là

**A.** điều tiết chế độ dòng chảy sông. **B.** quy định chế độ dòng chảy sông.

**C.** tăng rất nhanh lưu lượng dòng chảy. **D.** quy định tốc độ dòng chảy sông.

**Câu 10.** Ở miền ôn đới lạnh, sông thường lũ lụt vào mùa nào trong năm?

**A.** Mùa hạ. **B.** Mùa đông.

**C.** Mùa xuân. **D.** Mùa thu.

**Câu 11.** Băng hà có tác dụng chính trong việc

**A**. dự trữ nguồn nước ngọt. **B**. điều hoà khí hậu.

**C.** hạ thấp mực nước biển. **D.** nâng độ cao địa hình.

**Câu 12.** Nước ngầm được gọi là

**A**. kho nước mặn của Trái Đất. **B**. nền tảng nâng đỡ địa hình.

**C.** nguồn gốc của sông suối. **D.** kho nước ngọt của Trái Đất.

**Câu 13.** Sông ngòi ở vùng khí hậu nóng hoặc những nơi địa hình thấp của khí hậu ôn đới thì nguồn cung nước chủ yếu là

**A.** nước mưa. **B.** băng tuyết.

**C.** nước ngầm. **D.** các hồ chứa.

**Câu 14.** Tác động tiêu cực của con người đến chế độ nước sông là

**A**. xây dựng công trình thủy lợi.

**B**. phá rừng đầu nguồn.

**C.** trồng và bảo vệ rừng.

**D.** xây dựng hò chứa thủy điện.

**Câu 15.** Ngày Nước Thế giới hàng năm là

**A.** 21/1. **B**. 22/3. **C.** 23/3. **D.** 24/4.

**Câu 16.** Thuỷ quyển là lớp nước trên Trái Đất bao gồm nước ở

**A.** biển, đại dương; nước ngầm; băng tuyết; nước sông, suối, hồ.

**B**. biển, đại dương; nước trên lục địa; hơi nước trong khí quyển,

**C.** sông, suối, hồ; nước ngầm; nước trong các biển và đại dương.

**D**. sông, suối, hồ; băng tuyết; nước trong các đại dương, hơi nước.

**II. THÔNG HIỂU.**

**Câu 17.** Chế độ nước của một con sông phụ thuộc vào những nhân tố nào sau đây?

**A.** Chế độ mưa, băng tuyết, nước ngầm, nhiệt độ trung bình năm.

**B.** Chế độ gió, địa hình, thảm thực vật, nhiệt độ trung bình năm.

**C.** Chế độ mưa, băng tuyết, nước ngầm, địa hình, thảm thực vật, hồ đầm.

**D.** Nước ngầm, địa hình, thảm thực vật, nhiệt độ trung bình năm.

**Câu 18.** Nguồn gốc hình thành băng là do

**A**. nhiệt độ hạ thấp ở những nơi núi cao có nguồn nước ngọt.

**B**. tuyết rơi trong thời gian dài, nhiệt độ thấp không ổn định.

**C.** tuyết rơi ở nhiệt độ thấp, tích tụ và nén chặt thời gian dài.

**D**. nước ngọt gặp nhiệt độ rất thấp, tích tụ trong nhiều năm.

**Câu 19.** Phần lớn lượng nước ngầm trên lục địa có nguồn gốc từ

**A.** nước trên mặt đất thấm xuống.

**B.** nước từ biển, đại dương thấm vào.

**C.** nước từ dưới lớp vỏ Trái Đất ngấm ngược lên.

**D.** khi hình thành Trái Đất nước ngầm đã xuất hiện.

**Câu 20.** Mực nước ngầm trên lục địa ít phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

**A.** Nguồn cung cấp nước nhiều hay ít.

**B.** Nước từ biển, đại dương thấm vào.

**C.** Lớp phủ thực vật và con người.

**D.** Địa hình và cấu tạo của đất, đá.

**Câu 21**. Hai nhân tố chính ảnh hưởng tới tốc độ dòng chảy của sông là

**A.** độ dốc và chiều rộng. **B.** độ dốc và vị trí.

**C.** chiều rộng và hướng chảy. **D.** hướng chảy và vị trí.

**Câu 22.** Nguồn nước ngầm **không** phụ thuộc vào

**A**. nguồn cung cấp nước mặt. **B**. khối lượng lớn nước biển.

**C.** đặc điểm bề mặt địa hình. **D.** sự thấm nước của đất đá.

**Câu 23.** Nguồn cung cấp nước ngầm **khôn**g phải là

**A**. nước mưa. **B**. băng tuyết.

**C.** nước trên mặt. **D.** nước ở biển.

**Câu 24.** Ở miền khí hậu nóng, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

**A**. nước ngầm.  **B**. chế độ mưa.

**C.** địa hình. **D.** thực vật.

**Câu 25.** Ở miền ôn đới lạnh, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

**A.** địa hình. **B**. chế độ mưa.

**C.** băng tuyết. **D.** thực vật.

**Câu 26.** Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, nhân tố nào sau đây có vai trò đáng kể trong việc điều hoà chế độ nước của sông?

**A**. Nước ngầm.  **B**. Băng tuyết.

**C.** Địa hình. **D.** Thực vật.

**Câu 27.** Ý nghĩa của hồ đầm đối với sông là

**A**. điều hoà chế độ nước sông. **C.** giảm lưu lượng nước sông.

**B**. nhiều thung lũng. **D**. địa hình dốc.

**Câu 28.** Ở miền núi, nước sông chảy nhanh hơn đồng bằng là do có

**A**. địa hình phức tạp. **B**. nhiều thung lũng.

**C.** nhiều đỉnh núi cao. **D**. địa hình dốc.

**Câu 29.** Ở đồng bằng, lòng sông mở rộng hơn ở miền núi chủ yếu là do

**A**. bề mặt địa hình bằng phẳng. **B**. lớp phủ thổ nhưỡng mềm.

**C.** tốc độ nước chảy nhanh. **D**. tổng lưu lượng nước lớn.

**Câu 30.** Yếu tố nào sau đây góp phần chủ yếu làm cho chế độ nước sông điều hoà?

**A.** Nước mưa chảy trên mặt. **B.** Các mạch nước ngầm.

**C.** Địa hình đồi núi dốc nhiều. **D.** Bề mặt đất đồng bằng rộng.

**BÀI 11. NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG**

**I. NHẬN BIẾT.**

**Câu 1.** Độ muối trung bình cua nước biển là

**A**. 33 %0. **B**. 34 %0. **C.** 35%0. **D.** 36%0.

**Câu 2.** Độ muối nước biển lớn nhất ở vùng

**A.** xích đạo. **B.** chí tuyến. **C.** cực. **D**. ôn đới.

**Câu 3.** Nguyên nhân chủ yếu hình thành sóng là do

**A.** nước chảy. **B.** gió thổi. **C.** băng tan. **D.** mưa rơi.

**Câu 4.** Sóng thần có chiều cao khoảng bao nhiêu mét?

**A.** Từ 10-30m. **B.** Từ 15-35m.

**C.** Từ 20-40m. **D.** Từ 25-45m.

**Câu 5.** Các dòng biển nóng thường hình thành ở khu vực nào của Trái Đất?

**A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến.

**C.** Ôn đới. **D.** Vùng cực.

**Câu 6.** Các dòng biển nóng thường chảy về hướng nào?

**A.** Hướng đông. **B.** Hướng tây.

**C.** Hướng bắc. **D.** Hướng nam.

**Câu 7.** Các vòng hoàn lưu của dòng biển bán cầu Bắc có chiều

**A.** ngược chiều kim đồng hồ. **B.** cùng chiều kim đồng hồ.

**C.** từ bắc xuống nam. **D.** từ nam lên bắc.

**Câu 8.** Thủy triều là hiện tượng dao động thường xuyên và có chu kì của các khối nước trong

**A.** các dòng sông lớn. **B.** các ao hồ.

**C.** các đầm lầy. **D.** các biển và đại dương.

**Câu 9**. Khi Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí như thế nào thì dao động của thủy triều nhỏ nhất?

**A.** Thẳng hàng. **B.** Vòng cung.

**C.** Đối xứng. **D.** Vuông góc.

**Câu 10.** Sóng thần có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Tốc độ truyền ngang rất nhanh. **B.** Gió càng mạnh sóng càng to.

**C.** Tàn phá ghê gớm ngoài khơi. **D.** Càng gần bờ sóng càng yếu.

**Câu 11.** Thủy triều hình thành do

**A.** Sức hút của dải ngân hà. **B.** Sức hút của các hành tinh.

**C.** Sức hút của các thiên thạch. **D.** Sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời.

**Câu 12.** Sóng biển là

**A.** hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.

**B.** sự chuyển động của nước biển từ ngoài khơi xô vào bờ.

**C.** hình thức dao động của nước biển theo chiều ngang.

**D.** sự di chuyển của nước biển theo các hướng khác nhau.

**Câu 13.** Khi Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất nằm thẳng hàng thì dao động thủy triều

**A.** không đáng kể. **B.** nhỏ nhất.

**C.** trung bình. **D.** lớn nhất.

**Câu 14**. Các dòng biển nóng thường phát sinh từ

**A.** hai bên chí tuyến. **B.** hai bên xích đạo.

**C.** khoảng vĩ tuyến 30 - 400. **D.** chí tuyến Bắc và Nam.

**Câu 15**. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là

**A.** dòng biển. **B.** gió thổi.

**C.** động đất. **D.** núi lửa.

**Câu 16.** Hình thức dao động của sóng biển là theo chiều

**A.** thẳng đứng. **B**. xoay tròn.

**C.** chiều ngang. **D**. xô vào bờ.

**Câu 17.** Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là do

**A**. mưa. **B**. núi lửa. **C.** động đất. **D.** gió.

**Câu 18.** Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu là do

**A**. gió. **B**. bão. **C.** động đất. **D**. núi lửa.

**Câu 19.** Nhiệt độ trung bình của đại dương thế giới là

**A**. 15,5°C. **B**. 16,5°C. **C.** 17,5°C. **D.** 18,5°C.

**Câu 20.** Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi nhiệt độ nước biển theo thời gian?

**A.** Mùa đông có nhiệt độ cao hơn mùa thu.

**B**. Ban ngày có nhiệt độ thấp hơn ban đêm.

**C.** Ban trưa có nhiệt độ thấp hơn ban chiều.

**D**. Mùa hạ có nhiệt độ cao hơn mùa đông.

ơn Mặt Trăng.

**C.** Mặt Trời xa Trái Đất hơn Mặt Trăng. **D.** Mặt Trời sáng hơn Mặt Trăng nhiều.

**II/ TỰ LUẬN : 30% (3Đ)**

1. Lí thuyết:Bài THỦY QUYỂN. NƯỚC TRÊN LỤC ĐỊA, NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

2. Nhận xét bảng số liệu